UBND XÃ NA DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CÔNG NHẬN NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NA DƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của UBND xã Na Dương)

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ học vấn Chuyên môn	Thành phần người có uy tín							Ghi chú
		Nam	Nữ				Giá làng, trưởng dòng họ, người thực hiện nghi lễ truyền thống, tín ngưỡng	Chức sắc, chức việc, nhà tu hành	Cán bộ, công chức, viên chức, bộ đội, công an đã nghỉ hưu	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Tổ trưởng tổ bảo vệ an ninh, trật tự, thôn đội trưởng	Nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, nghệ nhân, nhà giáo, thầy thuốc, lương y, công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên	Đảng viên	Thành phần khác	
1	*2*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
	Tổng cộng:	**36**	**5**					**0**	**9**	**1**	**31**	**17**	**0**	
1	Phạm Thị Độ		1955	Kinh	Thôn 4	7/10					Nông dân			
2	Hoàng Quốc Giáo	1961		Tày		9/10			Cán bộ nghỉ hưu			x		
3	Nguyễn Văn Thùy	1971		Kinh	Thôn Tân Tiến	9/12					Nông dân			
4	Trịnh Xuân Hảo	1955		Nùng		7/10			Cán bộ nghỉ hưu			x		
5	Vũ Thanh Liêm	1967		Tày	Thôn 5A	12/12			Cán bộ nghỉ hưu			x		
6	Lê Văn Tiến	1963		Tày	Thôn 5B	7/10					Nông dân			
7	Chu Văn Đăm	1960		Tày	Thôn 6	TCCS			Cán bộ nghỉ hưu			x		
8	Lưu Văn Ngạn	1956		Tày	Thôn 7+9	7/10					Nông dân			
9	Nguyễn Văn Diễn	1955		Kinh	Thôn 8+10	7/10			Cán bộ nghỉ hưu			x		
10	Nguyễn Văn Nhâm	1960		Kinh	Thôn Khòn Tòng	10/10					Nông dân	x		
11	Lộc Thị Niên		1967	Tày	Thôn Na Dương	10/10					Nông dân			
12	Đào Thị Đạt		1963	Kinh	Thôn Sơn Hà	7/10					Nông dân			
13	Hà Thị Sánh		1968	Nùng	Thôn Pò Kính	12/12					Nông dân	x		
14	Lý Văn Bình	1970		Sán chỉ	Thôn Nà Pè	11/12					Nông dân	x		
15	Vi Văn Chuyên	1972		Tày	Thôn Song Sài	7/10					Nông dân			
16	Hoàng Văn Tề	1952		Tày	Thôn Nà Miền	8/10			Cán bộ nghỉ hưu			x		

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ học vấn Chuyên môn	Thành phần người có uy tín							Ghi chú
		Nam	Nữ				Già làng, trưởng dòng họ, người thực hiện nghi lễ truyền thống, tín ngưỡng	Chức sắc, chức việc, nhà tu hành	Cán bộ, công chức, viên chức, bộ đội, công an đã nghỉ hưu	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Tổ trưởng tổ bảo vệ an ninh, trật tự, thôn đội trưởng	Nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, nghệ nhân, nhà giáo, thầy thuốc, lương y, công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên	Đảng viên	Thành phần khác	
1	*2*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
17	Âu Trung Trường	1952		Nùng	Thôn Nà Ái	7/10			Cán bộ nghỉ hưu			x		
18	Phùng Văn Nôm	1964		Nùng		7/10				Bí thư chi bộ		x		
19	Lý Thị Phú		1956	Tày	Thôn Thồng Niểng	5/10					Nông dân	x		
20	Vy Văn Dũng	1972		Tày		4/10					Nông dân			
21	Vi Văn Chóm	1959		Tày	Thôn Bản Nùng	9/10					Nông dân	x		
22	Bế Văn Hải	1963		Tày		11/12					Nông dân	x		
23	Nông Văn Cày	1953		Tày	Thôn Hua Cầu	7/10			Cán bộ nghỉ hưu			x		
24	Vi Sỹ Phóng	1952		Tày		5/10			Cán bộ nghỉ hưu			x		
25	Vi Trung Hảo	1949		Tày	Thôn Mới	3/10					Nông dân			
26	Dương Văn Mình	1959		Nùng		7/10					Nông dân			
27	Chu Xuân Quyền	1961		Tày	Thôn Bản Quấn	7/10					Nông dân			
28	Lê Văn Động	1964		Tày		7/10					Nông dân	x		
29	Dương Văn Sằn	1950		Nùng	Thôn Sì Nghiều	2/10					Nông dân			
30	Hoàng Văn Kim	1957		Tày		7/10					Nông dân			
31	Lộc Văn Quang	1960		Tày	Thôn Bằng Qua	5/10					Nông dân			
32	Vi Văn Chung	1958		Nùng		2/10					Nông dân			
33	Hoàng Văn Phiên	1970		Nùng	Thôn Dinh Chùa	7/10					Nông dân			
34	Nguyễn Văn Túc	1964		Tày		7/10					Nông dân			
35	Vi Văn Thỏa	1966		Tày		7/10					Nông dân			
36	Hoàng Văn Sính	1963		Nùng	Thôn Bản Mới	7/10					Nông dân			
37	Lưu Văn Dung	1959		Nùng		5/10					Nông dân			
38	Hoàng Bách Thắng	1960		Nùng	Thôn Pò Loi	5/10					Nông dân			

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ học vấn Chuyên môn	Thành phần người có uy tín							Ghi chú
		Nam	Nữ				Già làng, trưởng dòng họ, người thực hiện nghi lễ truyền thống, tín ngưỡng	Chức sắc, chức việc, nhà tu hành	Cán bộ, công chức, viên chức, bộ đội, công an đã nghỉ hưu	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Tổ trưởng tổ bảo vệ an ninh, trật tự, thôn đội trưởng	Nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, nghệ nhân, nhà giáo, thầy thuốc, lương y, công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên	Đảng viên	Thành phần khác	
1	*2*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
39	Vinh Văn Táy	1947		Nùng	Thôn Tổ Lợi	2/10					Nông dân			
40	Tô Quang Ninh	1954		Tày	Thôn Bản Tấu	7/10					Nông dân			
41	Nông Thanh Chương	1964		Tày	Thôn Nà Già	7/10					Nông dân			

Danh sách ấn định: 41 người./.